TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 6

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Hỗn số 83 9/10 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 83,09 **B.** 830,9 **C.** 84,9 **D.** 83,9

Câu 2. Trong bốn số thập phân dưới đây, số lớn nhất là:

A. 32,9 **B.** 32,28 **C.** 32,36 **D.** 32,47

Câu 3. 62,2 × 0,1 = ……

A. 6220 **B.** 622 **C.** 0,622 **D.** 6,22

Câu 4. Một sợi dây dài 31,02 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 31,5 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 94,54 m **B.** 93,44 m **C.** 93,54 m **D.** 62,52 m

Câu 5. Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 600 m, chiều rộng 200 m. Diện tích khu đất là:

A. 12 ha **B.** 120 ha **C.** 1200 ha **D.** 120 000 ha

Câu 6. Hình tròn có bán kính 12 cm. Diện tích hình tròn là:

A. 452,16 cm² **B.** 1808,64 cm² **C.** 75,36 cm² **D.** 37,68 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số thập phân: 13,466; 13,982; 13,45; 13,2; 13,526.

a) Số bé nhất là: ……

b) Số lớn nhất là: ……

c) Khi xếp theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng thứ ba là: ……

d) Tổng của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 2. Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 228,57 + 27,2 = ……

b) 142,6 − 13,27 = ……

c) 35,2 × 8,7 = ……

d) 20,76 : 1,2 = ……

Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 4,89 × 4 = ……

b) 10,67 × 7,3 + 10,67 × 2,7 = ……

c) 20,7 + 17,7 + 3,3 + 3,3 = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 7 m 7 cm = …… m

b) 2 kg 70 g = …… kg

c) 3 ha = …… m^2

d) 3000 m^2 = …… ha

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3,14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 3 cm: …… cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 3 cm: …… cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 16 dm: …… dm

Bài 6. Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 24,2 kg gạo, ngày thứ hai bán ít hơn ngày thứ nhất 7,5 kg, ngày thứ ba bán được 16,85 kg. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: …… kg

b) Cả ba ngày bán được: …… kg

c) Trung bình mỗi ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 6

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	A	D	C	A	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

Xếp từ bé đến lớn: 13,2 < 13,45 < 13,466 < 13,526 < 13,982

a) 13,2

b) 13,982

c) 13,466

d) 13,982 + 13,2 = 27,182

Bài 2.

a) 228,57 + 27,2 = 255,77

b) 142,6 − 13,27 = 129,33

c) 35,2 × 8,7 = 306,24

d) 20,76 : 1,2 = 17,3

Bài 3.

a) (2,5 × 4) × 4,89 = 10 × 4,89 = 48,9

b) 10,67 × (7,3 + 2,7) = 10,67 × 10 = 106,7

c) (20,7 + 3,3) + (17,7 + 3,3) = 24 + 21 = 45

Bài 4.

a) 7,07

b) 2,07

c) 30 000

d) 0,3

Bài 5.

a) 3 × 2 × 3,14 = 18,84

b) 3 × 3 × 3,14 = 28,26

c) 16 × 3,14 = 50,24

Bài 6.

Ngày thứ hai: 24,2 − 7,5 = 16,7 (kg)

Cả ba ngày: 24,2 + 16,7 + 16,85 = 57,75 (kg)

Trung bình: 57,75 : 3 = 19,25 (kg)